

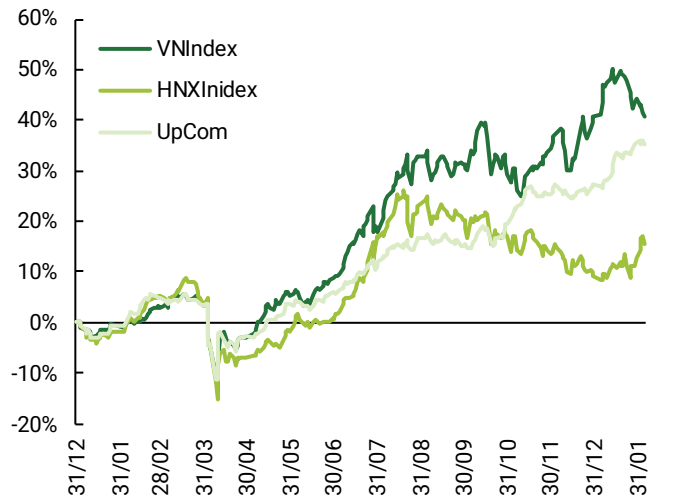
**VN-Index** **1782.56 (-0.50%)**  
805 Tr. cổ phiếu 26241.9 Tỷ VND (-23.12%)

**HNX-Index** **263.04 (-1.09%)**  
99 Tr. cổ phiếu 2213.4 Tỷ VND (3.69%)

**UPCOM-Index** **128.59 (-0.53%)**  
47 Tr. cổ phiếu 836.7 Tỷ VND (-29.32%)

**VN30F1M** **1972.20 (-1.88%)**  
281,488 HD OI: 44,843 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1782.6, giảm -8.9 điểm (-0.50%). Thanh khoản giảm với độ rộng áp đảo ở phe bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nỗ lực phục hồi của chỉ số lên trên ngưỡng 1800 điểm chưa thành công. Nhóm Vingroup trở lại nâng đỡ, song không tạo được hiệu ứng lan tỏa, trái lại, áp lực chốt lời lại gia tăng ở nhóm MidCap khiến thị trường vận động trong sắc đỏ.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VPI (+2.5%), VHM (+6.9%), VIC (+7.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: VCB (-3.4%), LPB (-2.8%), BID (-2.8%) | Thực phẩm và đồ uống: VHC (-6.9%), ANV (-4.1%), VNM (-4.0%) | Hóa chất: PHR (-5.8%), DPR (-5.7%), GVR (-4.1%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-3.9%), VOS (-3.6%), VTO (-3.6%) | Tài nguyên Cơ bản: PTB (-3.1%), KSB (-2.8%), HPG (-2.6%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, TCB, BSR, VRE - Chiều giảm | VCB, BID, GAS, CTG, GVR

Khối ngoại Bán ròng gần 1200 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, VCB, VHM, trong khi mua ròng MWG, MBB, PVD.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Shooting star cho thấy lực cung chiếm ưu thế trong chiều hồi phục. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý cung bán cũng có sự lưỡng lự và chưa quyết liệt. Trạng thái có lẽ tiếp tục nghiêng về giằng co, củng cố thêm xu hướng, khi VN-Index đang dao động quanh đường MA50-ngày (ngưỡng 1770 điểm). Ở chiều thận trọng, cần lưu ý dấu hiệu suy yếu của các nhóm dẫn dắt tại kênh trên; trong trường hợp nhóm Vingroup đảo chiều giảm mà không xuất hiện lực đỡ đối ứng, áp lực điều chỉnh có thể tiếp tục gia tăng. Ngưỡng hỗ trợ thấp hơn quanh vùng 1720 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tạo mẫu hình nến giảm Marubozu cho thấy lực cung trở lại chi phối. Vận động khả năng điều chỉnh để tái tạo thêm đà, với khu vực hỗ trợ gần quanh ngưỡng 260 - 264.
- **Chiến lược:** Với các vị thế đạt mục tiêu ngắn hạn NĐT có thể cân nhắc chốt lời. Chiều mua mới phù hợp khẩu vị lướt sóng, theo dõi thêm tín hiệu hạ nhiệt và kiểm định lại hỗ trợ ở các cổ phiếu. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng và cần mẫu hình đáng tin cậy xác nhận. Tỷ trọng chung nên được giữ ở mức trung bình, phòng ngừa rủi ro nếu các cổ phiếu trụ tiếp tục suy yếu. Nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Tiêu dùng, Vật liệu xây dựng, Khu công nghiệp.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời DCM – Bán ACV (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,782.6 ▼	-0.50%	-1.8%	-0.3%	26,241.9 ▼	-23.1%	2.9%	1.0%	805.1 ▼	-29.1%	11.1%	-7.7%
HNX-Index	263.0 ▼	-1.09%	4.1%	6.6%	2,213.4 ▲	3.7%	27.4%	34.4%	98.6 ▲	12.1%	29.8%	24.9%
UPCOM-Index	128.6 ▼	-0.53%	0.1%	6.6%	836.7 ▼	-29.3%	-40.7%	54.3%	46.8 ▲	1.2%	-20.9%	15.5%
VN30	1,969.3 ▼	-1.0%	-2.5%	-2.9%	15,961.4 ▼	-22.3%	-0.2%	4.8%	347.2 ▼	-31.3%	2.4%	-13.3%
VNMID	2,221.6 ▼	-1.7%	0.8%	1.7%	8,113.1 ▼	-25.8%	14.9%	-5.8%	288.8 ▼	-30.7%	22.4%	-18.9%
VNSML	1,500.9 ▼	-1.06%	1.0%	2.8%	1,727.7 ▼	-15.9%	19.1%	51.1%	93.2 ▼	-21.6%	-13.4%	24.1%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	678.6 ▼	-2.0%	1.25%	10.5%	6,235.1 ▼	-13.73%	-16.3%	-42.9%	209.7 ▼	-13.5%	-17.9%	-42.9%
Bất động sản	678.6 ▲	4.9%	-9.2%	-21.8%	4,362.3 ▼	-17.6%	-3.6%	-21.2%	125.5 ▼	-12.2%	-13.6%	-27.1%
Dịch vụ tài chính	319.7 ▼	-1.1%	1.2%	4.0%	1,893.8 ▼	-50.7%	-34.9%	-58.2%	73.7 ▼	-51.8%	-35.9%	-57.6%
Công nghiệp	266.6 ▼	-2.5%	2.9%	-5.5%	975.3 ▼	-31.8%	-32.2%	-41.6%	29.0 ▼	-35.3%	-28.3%	-34.4%
Tài nguyên cơ bản	544.8 ▼	-2.4%	5.6%	7.1%	1,215.5 ▼	-73.0%	-38.4%	-25.1%	45.4 ▼	-73.5%	-42.1%	-32.1%
Xây dựng - Vật Liệu	187.9 ▼	-1.3%	5.9%	6.5%	986.7 ▼	-37.0%	-22.4%	-29.3%	41.7 ▼	-42.2%	-29.5%	-37.3%
Thực phẩm	548.5 ▼	-2.7%	3.5%	2.7%	2,436.4 ▼	-1.7%	-15.7%	-7.2%	48.3 ▼	-14.6%	-17.7%	-14.6%
Bán Lẻ	1,679.9 ▼	-2.2%	8.8%	8.1%	1,518.2 ▼	-0.7%	-27.4%	16.6%	19.9 ▼	-1.1%	-25.3%	11.9%
Công nghệ	529.3 ▼	-2.8%	-2.0%	6.3%	1,871.3 ▲	10.1%	33.2%	39.6%	21.2 ▲	16.2%	29.0%	35.3%
Hóa chất	204.4 ▼	-2.91%	7.4%	37.5%	1,149.4 ▲	9.3%	8.3%	-7.6%	32.6 ▲	16.1%	16.1%	-1.5%
Tiện ích	921.7 ▼	-2.5%	0.3%	35.6%	659.9 ▼	-28.9%	-27.4%	-33.4%	23.5 ▼	-47.3%	-27.4%	-29.7%
Dầu khí	114.9 ▼	-0.71%	6.9%	53.9%	1,475.2 ▲	32.5%	1.3%	-10.7%	45.1 ▲	31.6%	0.5%	-19.4%
Dược phẩm	452.2 ▼	-0.5%	1.0%	4.2%	24.3 ▼	-38.1%	-49.6%	-53.5%	0.9 ▼	-19.5%	-53.2%	-57.8%
Bảo hiểm	124.0 ▼	-2.4%	16.8%	37.1%	141.2 ▼	-39.3%	3.4%	-7.1%	4.0 ▼	-26.4%	42.0%	22.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,782.6 ▼	-0.50%	-0.1%	16.1x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,346 ▼	-0.02%	6.9%	14.4x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,104 ▼	-0.53%	-6.3%	20.3x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,644 ▼	-0.86%	2.8%	16.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,382 ▬	0.14%	5.4%	10.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,076 ▼	-0.64%	2.7%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,885 ▬	0.14%	4.9%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,818 ▼	-0.88%	6.9%	23.0x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,883 ▼	-0.51%	0.5%	27.5x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,501 ▬	0.53%	3.0%	25.6x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,361 ▼	-0.40%	4.3%	15.7x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,959 ▼	-0.18%	2.9%	18.1x	2.6x
DXY		97.8 ▬	0.42%	-9.8%		
USDVND		25,969 ▼	-0.06%	1.9%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

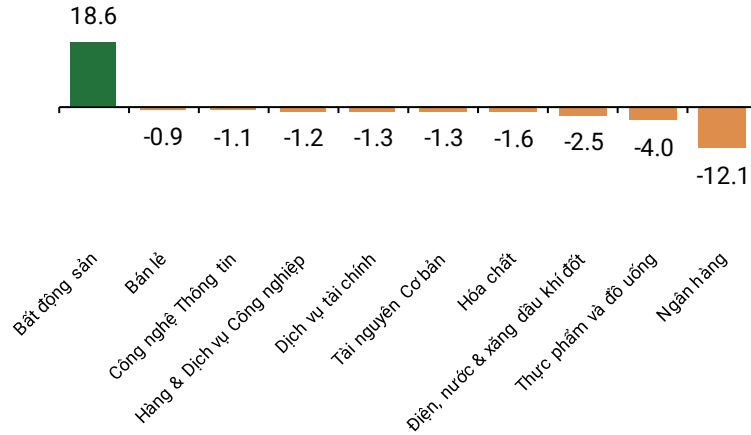
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.4%	10.9%	12.6%	-8.2%
Dầu WTI	▼	-1.4%	10.2%	11.9%	-9.6%
Khí gas	▼	-0.7%	-2.4%	-6.7%	2.4%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	-4.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	0.0%	-0.1%	-5.4%
PVC (*)	▬	0.0%	0.0%	0.0%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	11.9%	16.8%	16.8%	23.0%
Cao su thiên nhiên	▬	0.6%	3.0%	4.6%	-2.5%
Bông Cotton	▼	-0.2%	-3.8%	-3.3%	-5.9%
Đường	▼	-2.2%	-2.9%	-4.7%	-27.6%
World Container Index	▼	-7.0%	-11.49%	-11.5%	-41.8%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.4%	41.2%	27.2%	86.4%
Vàng	▼	-1.6%	9.4%	12.6%	69.7%
Bạc	▼	-8.2%	2.1%	9.1%	142.0%

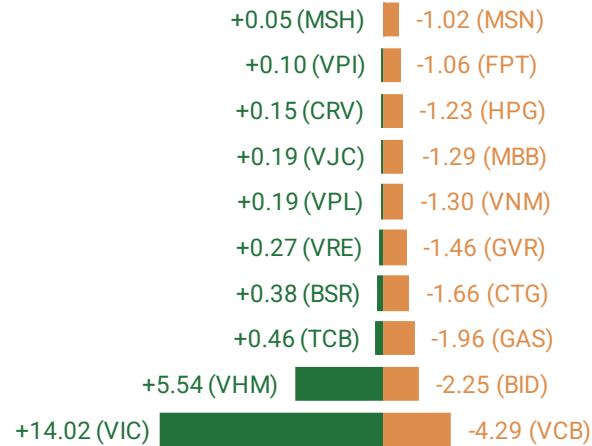
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

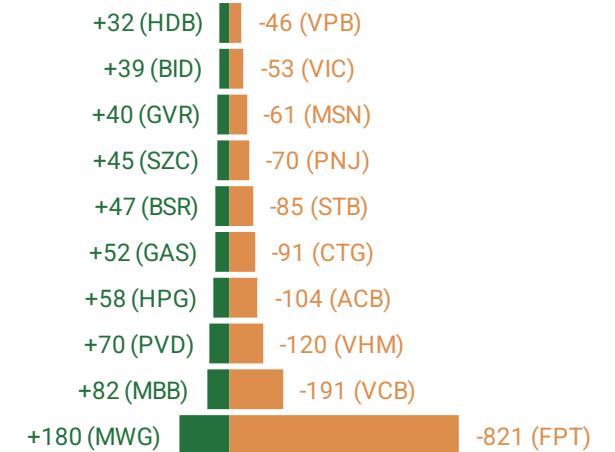
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



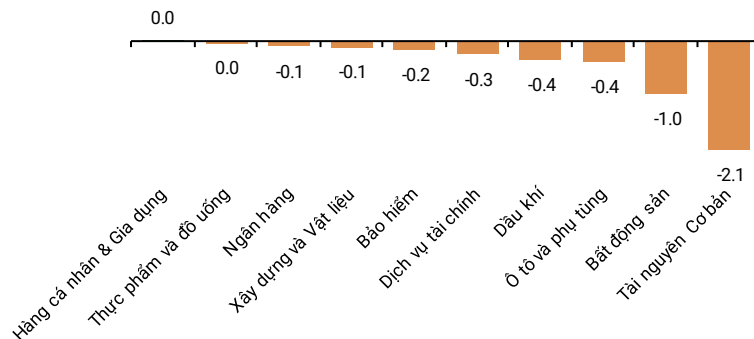
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



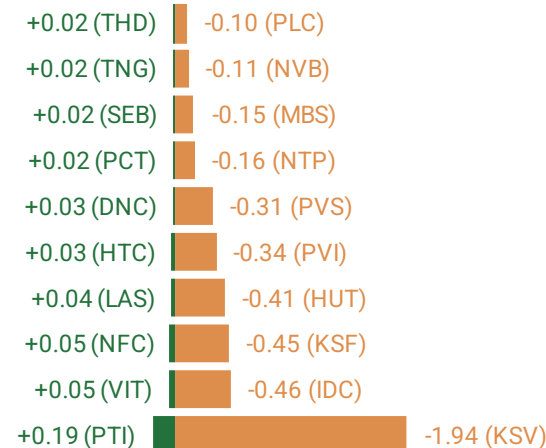
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



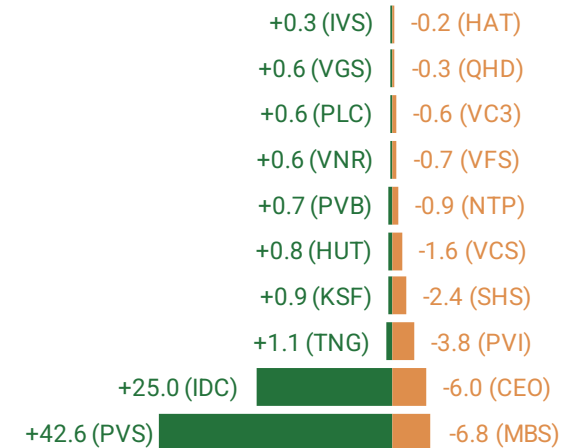
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



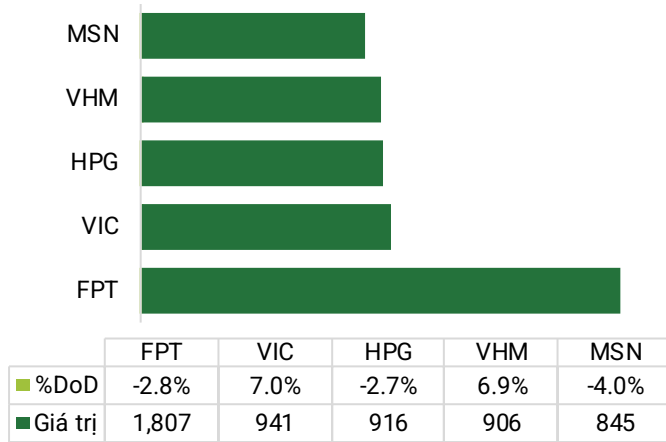
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



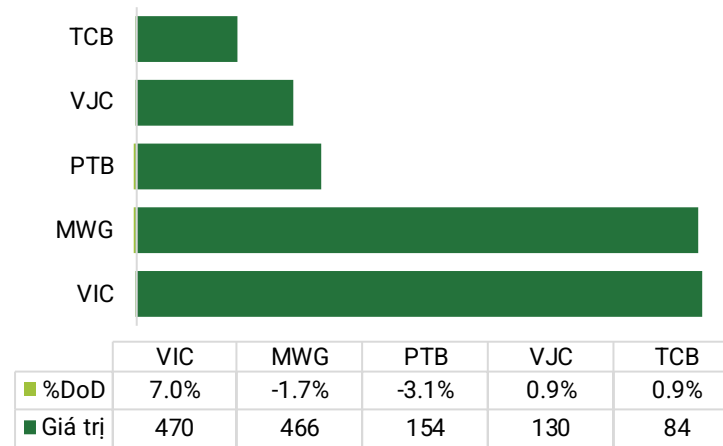
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

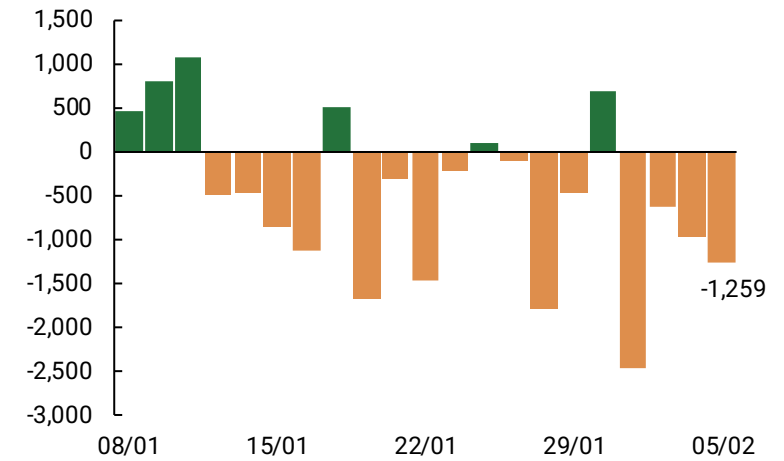


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

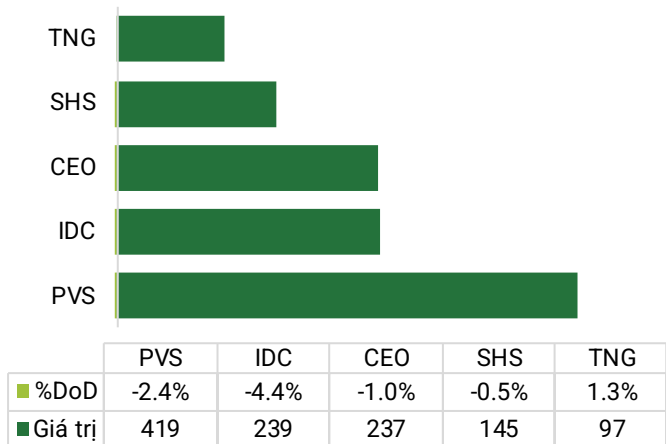


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

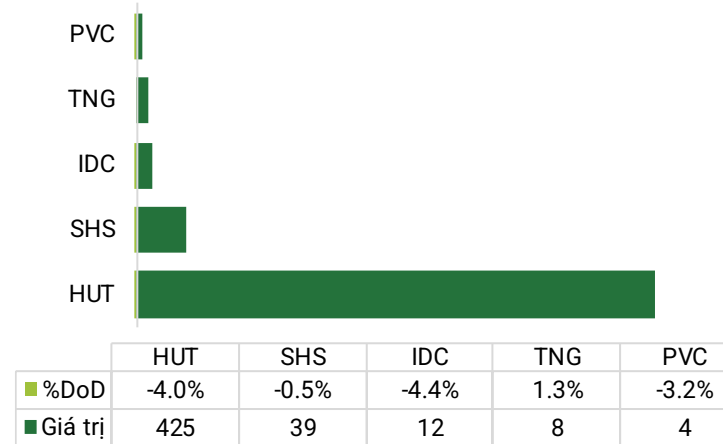
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



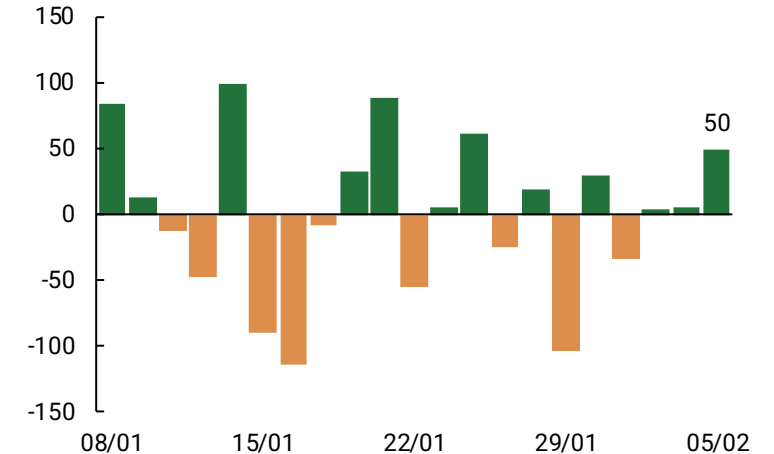
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Shooting star, vol giảm về dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 - 1860.
- ✓ Chỉ báo RSI vẫn trong đà giảm, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

**Kịch bản:** Nỗ lực phục hồi lên trên ngưỡng 1800 điểm chưa thành công. Trạng thái tiếp tục nghiêng về rung lắc kiểm định thêm xu hướng. Thanh khoản cũng duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền còn thận trọng và chặt lọc cơ hội. Dù vậy, độ rộng thị trường đang suy yếu trở lại là điểm cần lưu ý. Hiện kháng cự ở chiều hồi phục quanh ngưỡng 1850 - 1860 điểm trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 1770 và thấp hơn là ngưỡng 1720 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân đặc, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1960 - 1980.
- ✓ Kháng cự: 2040 - 2050.
- ✓ Chỉ báo RSI vẫn trong đà giảm, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

➔ Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối đẩy chỉ số lùi về lại vùng hỗ trợ 1960 - 1980 điểm. Điểm sáng là thanh khoản thấp cho thấy cung bán chưa quyết liệt. Vận động có thể trở lại giằng co kiểm định thêm xu hướng quanh đây. Kháng cự trong chiều hồi phục hiện quanh ngưỡng 2040 - 2050 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio		
<b>Ticker</b>	<b>DCM</b>	<b>TAKE PROFIT</b>	<b>Current price</b>	<b>38.6</b>	<b>P/E (x)</b>	10.8	
<b>Exchange</b>	HOSE		<b>Action price</b>	<b>36.2 - 36.6</b>	<b>P/B (x)</b>	1.9	
<b>Sector</b>	Specialty Chemicals		<b>Take profit price (2/2)</b>	<b>38.6 - 39</b>	<b>7.0%</b>	<b>EPS</b>	3577.7
						<b>ROE</b>	18.3%
					<b>Stock Rating</b>	BBB	
					<b>Scale Market Cap</b>	Medium	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá tạo mẫu hình nền Gravestone Doji, hàm ý lực cung chiếm ưu thế vùng cao.
  - Chỉ báo RSI gần tiếp cận mức quá mua 70 có khả năng hạ nhiệt.
  - Thanh khoản tăng mạnh nhưng giá chưa thể bứt phá.
  - Rủi ro thị trường: VN-Index có thể mất mốc MA50 ngày, ảnh hưởng gián tiếp đến vận động của mặt bằng chung cổ phiếu.
- ➔ Xu hướng khả năng điều chỉnh củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, có thể tận dụng tín hiệu rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
<b>Ticker</b>	<b>ACV</b>	<b>SELL</b>	<b>Current price</b>	<b>55.00</b>	<b>P/E (x)</b>	18.5	
<b>Exchange</b>	UPCoM		<b>Action price</b>	<b>59 -60</b>	<b>P/B (x)</b>	3.0	
<b>Sector</b>	Transportation Services		<b>Selling price</b>	<b>(6/2) 55</b>	<b>-7.6%</b>	<b>EPS</b>	2970.9
					<b>ROE</b>	16.8%	
					<b>Stock Rating</b>	BBB	
					<b>Scale Market Cap</b>	Medium	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá phục hồi và suy yếu tại MA20.
  - Chỉ báo RSI giảm về lại dưới ngưỡng trung bình, bên cạnh MACD vẫn còn dưới đường tín hiệu, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
  - Rủi ro thị trường: VN-Index có thể mất mốc MA50 ngày, ảnh hưởng gián tiếp đến vận động của mặt bằng chung cổ phiếu.
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm.  
➔ Khuyến nghị Bán, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

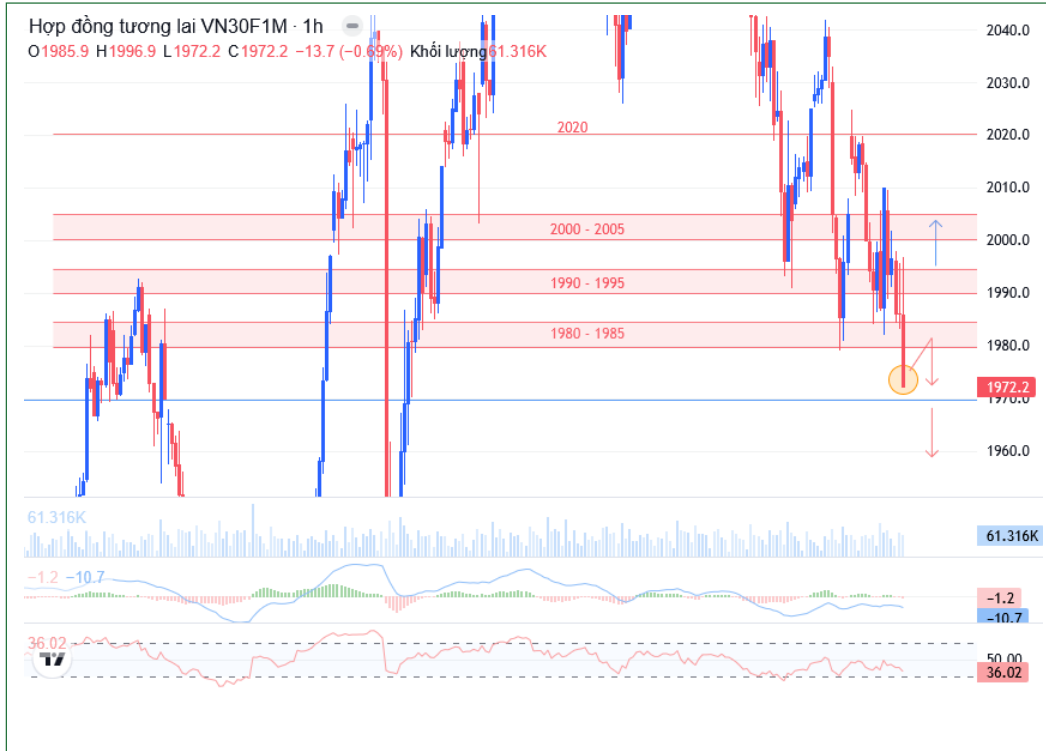


### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DCM	Chốt lời	06/02/2026	38.60	38.6 – 39	7.0%	41.0	12.6%	34	-6.6%	
2	ACV	Bán	06/02/2026	55.0	55.0	-7.6%	70.0	17.6%	54	-9.2%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	79.40	79.4 – 79.9	-0.3%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	FPT	Mua	26/01/2026	-	99.00	100 - 101	-1.5%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	
3	SAB	Mua	04/02/2026	-	50.10	51.5 – 52	-3.2%	58.0	12.1%	48.0	-7.2%	
4	VSC	Mua	05/02/2026	-	21.60	21.8 - 22	-1.4%	25.0	14.2%	20.4	-6.8%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1972.2, giảm 37.8 điểm (-1.9%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch. Dù giá nỗ lực phục hồi cuối phiên nhưng phần thắng đã nghiêng về phe cung.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá hình thành mẫu hình nến giảm Marubozu, bên cạnh MACD cũng cắt xuống trở lại đường tín hiệu cùng với RSI vẫn trong đà giảm, hàm ý áp lực điều chỉnh còn chi phối. Dù vậy, giá kết phiên tạo “gap” nên có thể phục hồi kiểm định lại xu hướng. Vị thế Short nên theo dõi vùng cản 1980 – 1985, khi giá tiếp tục suy yếu, hoặc có thể tham gia nếu giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 1970. Vị thế Long cần nhắc khi giá củng cố trên ngưỡng 1996.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1852.1, giảm 30.6 điểm (-1.6%). Độ lệch basis +4.2 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 143 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1850 điểm, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1865 - 1870 điểm.

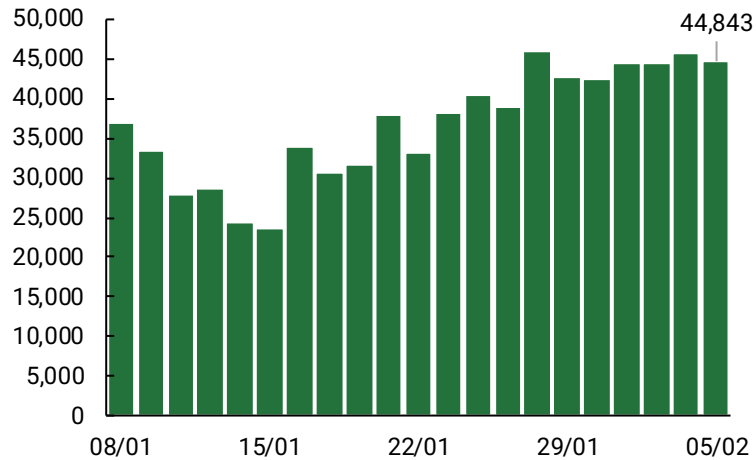
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1996	2008	1988	12 : 08
Short	< 1982	1970	1990	12 : 08
Short	< 1970	1958	1980	12 : 10

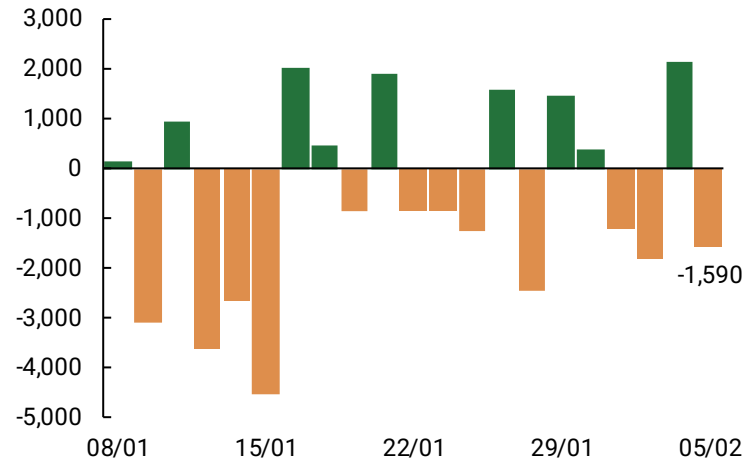
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,974.8	-35.2	14	165	1,981.4	-6.6	17/09/2026	224
4111G6000	1,970.0	-40.9	22	350	1,976.5	-6.5	18/06/2026	133
4111G3000	1,975.0	-30.5	954	3,081	1,971.5	3.5	19/03/2026	42
4111G2000	1,972.2	-37.8	281,488	44,843	1,969.7	2.5	13/02/2026	8
4112G2000	1,852.1	-30.6	143	44	1,848.2	3.9	13/02/2026	8

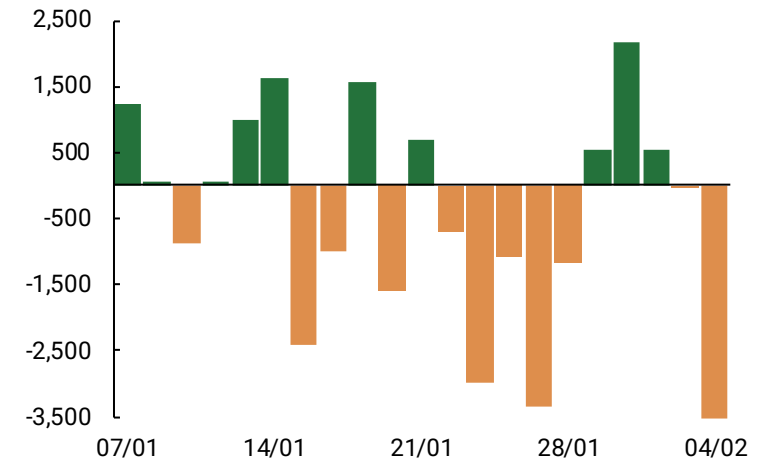
Khối lượng mở (Open interest)



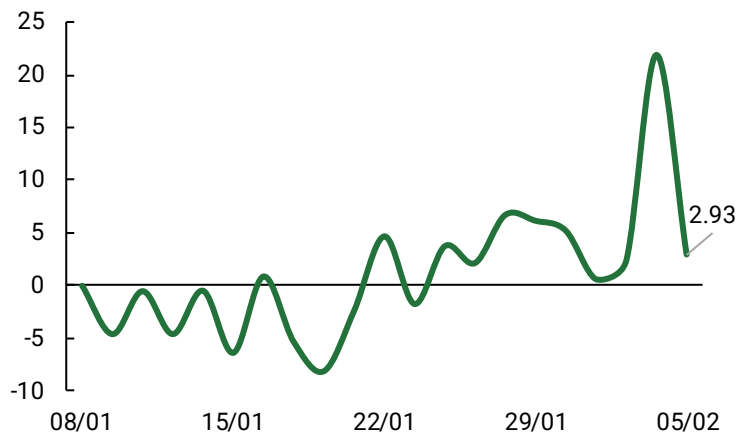
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



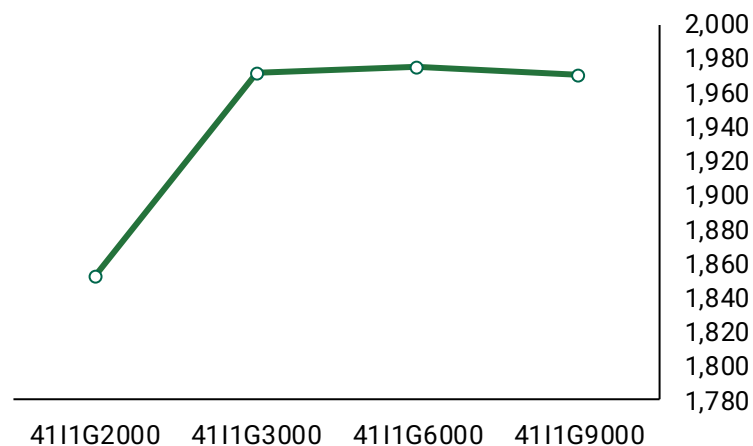
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



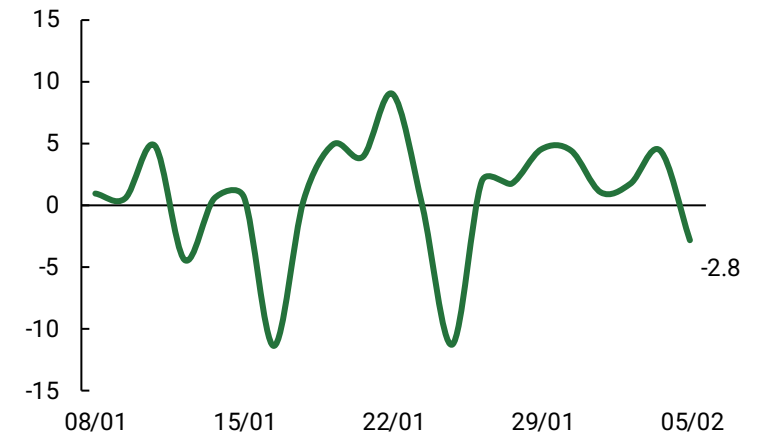
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	72,000	65,400	-9.2%	Giảm tỷ trọng
BCM	68,900	74,500	8.1%	Nắm giữ
CTG	38,600	45,200	17.1%	Tăng tỷ trọng
CTD	83,800	87,050	3.9%	Nắm giữ
CTI	24,650	27,200	10.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,000	68,000	28.3%	Mua
DDV	29,380	35,900	22.2%	Mua
DGC	67,700	99,300	46.7%	Mua
DGW	53,500	48,300	-9.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	44,700	53,100	18.8%	Tăng tỷ trọng
DPR	41,300	46,500	12.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,601	17,200	36.5%	Mua
EVF	11,700	14,400	23.1%	Mua
FRT	170,000	157,600	-7.3%	Giảm tỷ trọng
GMD	71,100	77,000	8.3%	Nắm giữ
HAH	57,700	67,600	17.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,100	34,500	27.3%	Mua
HHV	12,400	12,300	-0.8%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,550	34,200	24.1%	Mua
IMP	54,200	55,000	1.5%	Nắm giữ
KDH	26,600	38,800	45.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,050	22,700	-16.1%	Bán
MSH	40,500	43,100	6.4%	Nắm giữ
MWG	90,200	99,600	10.4%	Tăng tỷ trọng
NLG	28,600	39,900	39.5%	Mua
NT2	26,750	27,700	3.6%	Nắm giữ
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	116,200	113,300	-2.5%	Giảm tỷ trọng
PVS	45,600	39,900	-12.5%	Bán
PVT	21,750	18,900	-13.1%	Bán
SAB	50,100	57,900	15.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	31,000	39,200	26.5%	Mua
TLG	52,600	53,400	1.5%	Nắm giữ
TCB	34,850	35,650	2.3%	Nắm giữ
TCM	27,350	37,900	38.6%	Mua
TRC	77,000	94,800	23.1%	Mua
VCB	68,400	84,200	23.1%	Mua
VPB	27,400	37,000	35.0%	Mua
VCG	18,900	26,200	38.6%	Mua
VHC	63,500	60,000	-5.5%	Giảm tỷ trọng
VNM	69,100	66,650	-3.5%	Giảm tỷ trọng
VSC	21,600	17,900	-17.1%	Bán

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất  
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp  
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)  
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC  
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

**Chính phủ đặt mục tiêu vận hành sàn giao dịch vàng trước ngày 10/2:** Chính phủ, Thủ tướng chỉ đạo phấn đấu vận hành sàn giao dịch vàng, thí điểm sàn giao dịch tài sản mã hoá, trung tâm giao dịch bất động sản và quyền sử dụng đất trước ngày 10/2.

**Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tháng đầu năm 2026 tăng gần 30%:** Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tháng 1/2026, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam ước đạt gần 6.51 tỷ USD (tăng 29.5%). Riêng giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt 3.6 tỷ USD; sản phẩm chăn nuôi đạt 47.5 triệu USD; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 940 triệu USD; xuất khẩu lâm sản đạt 1.72 tỷ USD. Xét theo vùng lãnh thổ, châu Á là thị trường xuất khẩu lớn nhất với thị phần chiếm 45.3%.

**Bitcoin rớt mốc 72,000 USD:** Đồng tiền ảo lâu đời nhất thế giới tiếp tục lao dốc và mất mốc 72,000 USD. Hiện giá Bitcoin đã thấp hơn hơn 40% so với mức đỉnh lịch sử khoảng 126,000 USD đạt được vào tháng 10 năm ngoái. Giá trị của Bitcoin đang chịu áp lực từ hàng loạt yếu tố địa chính trị và kinh tế bất lợi.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**ACV lãi cao nhất lịch sử, đã rút hơn 34,000 tỷ vào dự án Long Thành:** Quý IV/2025, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 6,794 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Sau khi khấu trừ các khoản chi phí, ACV lãi sau thuế khoảng 3,030 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với quý IV/2024. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu thuần hợp nhất đạt 25,963 tỷ đồng, tăng 15%. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 14,708 tỷ đồng và 11,872 tỷ đồng, cùng tăng khoảng 3% so với năm 2024, đồng thời ghi nhận mức cao nhất kể từ khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Đáng chú ý, ở phần chi phí xây dựng dở dang, ACV ghi nhận hơn 35,000 tỷ đồng tại các dự án đầu tư. Trong đó, Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1 chiếm 34,190 tỷ đồng, gấp 2.7 lần so với đầu năm.

**BAF - Giá bán heo giảm, công ty báo lỗ quý 4/2025:** Quý 4/2025, BAF đạt doanh thu thuần khoảng 1,400 tỷ đồng, giảm 18.2% do ngừng mảng nông sản. Mảng chăn nuôi 3F tăng doanh thu 34% với sản lượng tăng 67.1%, nhưng giá bán heo giảm gần 20% khiến biên lợi nhuận gộp âm 3.2%, lỗ gộp 49 tỷ đồng. Chi phí phòng chống dịch, vận hành, trang trại mới tăng mạnh làm gia tăng chi phí tài chính (+54.6%) và chi phí bán hàng, quản lý. BAF lỗ ròng 265 tỷ đồng quý 4, lợi nhuận cả năm giảm 69%.

**BWE - Kết quả kinh doanh 2025 tăng trưởng mạnh:** Quý IV/2025 Biwase duy trì ổn định khách hàng và tăng trưởng sản lượng nước sạch, rác thải, xử lý nước thải, dẫn đến doanh thu tăng so với cùng kỳ. Lợi ích công ty liên kết tăng 72.68 tỷ đồng, giảm chi phí lãi vay 13.31 tỷ đồng và giảm lỗ tỷ giá 52.49 tỷ đồng giúp cải thiện tài chính. Lũy kế năm 2025, doanh thu đạt gần 4,543 tỷ đồng (+14.75%) và lợi nhuận sau thuế 1,027.8 tỷ đồng (+55.6%), vượt kế hoạch lợi nhuận 60.6%. Người chịu trách nhiệm quản trị đăng ký bán gần 1.7 triệu cổ phiếu BWE, dự kiến thu về khoảng 74.5 tỷ đồng.

**MSR - Lợi nhuận quý 4/2025 lập kỷ lục:** Trong quý 4/2025, Masan High-Tech Materials ghi nhận lợi nhuận theo quý cao nhất kể từ năm 2022. Doanh thu đạt 2,395 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 222 tỷ đồng. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ điều kiện thị trường thuận lợi, với mặt bằng giá khoáng sản duy trì ở mức cao trong suốt năm 2025. Đáng chú ý, giá vonfram ghi nhận đà tăng mạnh.

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415